

Số: 26/NQ-HĐND

Trà Cú, ngày 15 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022
trên địa bàn huyện Trà Cú (đợt 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 6

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17
tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn
ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú về việc thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu
tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn huyện Trà Cú;
Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân
huyện Trà Cú về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung
hạn 05 năm, giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn huyện Trà Cú; Nghị quyết số
25/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Về
việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn huyện Trà
Cú (đợt 2);*

*Xét Tờ trình số 313a/TTr-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn 05 năm, giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2); Báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn
huyện Trà Cú (đợt 2), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: 16.339.000.000 đồng.

- Điều chỉnh giảm số tiền 4.109.000.000 đồng của 05 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Điều chỉnh giảm số tiền 12.230.000.000 đồng của 12 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: 16.339.000.000 đồng.

- Bổ sung tăng 08 dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với số tiền 4.109.000.000 đồng.

- Bổ sung tăng 22 dự án dự án Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với số tiền 12.230.000.000 đồng.

(Kèm theo phụ lục I)

3. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, nguồn vượt thu tiền sử dụng đất (kết dư ngân sách): 445.000.000 đồng.

(Kèm theo phụ lục II)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Xã hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XII giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú khóa XII - Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HU, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- TT, các Ban của HĐND huyện;
- ĐB HĐND huyện khóa XII;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- Kho bạc Nhà nước Trà Cú;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH 



Dương Văn Triệu

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÁ CÚ (ĐỢT 2)
(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Đại điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú				
									Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số NSTW+NSĐP	Trong đó: NSTW+NSĐP		Giảm	Tăng			
I	TỔNG SỐ	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)																
1	Đường nhựa từ hương lộ 12 - Đường đèo Nhuệ Tử B (Trong kinh tế tổng)	xã Hàm Giang	KBNN Trà Cú	UBND xã Hàm Giang	7970216	292	Đường nhựa dài 948,418m; mặt đường 3,5m; Đường đèo dài 172,394m; mặt đường 2,5m	2022-2024	2839/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	2.100	2.100	2.000	2.000	1.100	900	-	
2	Đường Đaml (từ Nguyễn Văn Giáp - Kim Tấn) giai đoạn 2, xã Ngải Xuyên	xã Ngải Xuyên	KBNN Trà Cú	UBND xã Ngải Xuyên	7954418	292	Đường nhựa dài 750m; mặt đường 3,5m	2022-2024	2840/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	2.150	2.150	2.000	2.000	1.100	900	-	
3	Đường liên xã Phước Hưng (ấp Bến Chua, xã Phước Hưng-ấp Vàm Bùn, xã Ngải Xuyên)	xã Phước Hưng	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7969540	292	Đường nhựa dài 1.300m; mặt đường 3,5m	2022-2024	2844/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	2.148	2.148	1.868	1.868	1.000	868	-	
4	Đường liên xã Ngọc Biên (Đường huyện 12 - Cầu Trung ương Đoàn, huyện Duyên Hải)	xã Ngọc Biên	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7970990	292	Đường nhựa dài 1.500m; mặt đường 3,5m	2022-2024	2845/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	2.477	2.477	2.154	2.154	1.200	954	-	

STT	Tên công trình	Đại điểm xây dựng	Đại điểm tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Ghi chú	
									Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	T.MĐT		Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025							
										Tổng số	Trong đó: NSTW+NSDP							Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh	Nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
5	Đường liên xã Tân Hiệp (Cấp kênh 3/2, xã Tân Hiệp - xã Long Hiệp)	xã Tân Hiệp	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD/CB	7969541	292	Đường nhựa dài 1.300m; mặt đường 3,5m	2022-2024	2846/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	1.924	1.924	1.437	1.437	950	487	-			
6	Đường nhựa nhà bà Sa Ven, ấp Trà Tro A, xã Hàm Giang (giai đoạn 1)	xã Hàm Giang	KBNN Trà Cú	Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang			Đường nhựa dài 450m; mặt đường 3,5m	2022-2024	3508/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		450			450		
7	Đường Daml Giồng Cọc - Kinh N9, ấp Xoài Xiêm, xã Ngải Xuyên (giai đoạn 1)	xã Ngải Xuyên	KBNN Trà Cú	Ủy ban nhân dân xã Ngải Xuyên			Đường dân dài 750m; mặt đường 2,5m	2022-2024	3509/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		450			450		
8	Đường nhựa từ cầu LKamp đến chòi cá Thầy Tha, ấp Trà Tro A, xã Hàm Giang (giai đoạn 1)	xã Hàm Giang	KBNN Trà Cú	Ủy ban nhân dân xã Hàm Giang			Đường nhựa dài 450m; mặt đường 3,5m	2022-2024	3510/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		450			450		
9	Đường giao thông nông thôn ấp Xóm Chòi - Ô, xã Ngải Xuyên (giai đoạn 1)	xã Ngải Xuyên	KBNN Trà Cú	Ủy ban nhân dân xã Ngải Xuyên			Đường dân dài 750m; mặt đường 2,5m	2022-2024	3511/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		450			450		
10	Sửa chữa đường nhựa vào trung tâm xã Hàm Giang (giai đoạn 1)	xã Hàm Giang	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD/CB			Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.100m	2022-2024	3512/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		578			578		
11	Sửa chữa đường nhựa liên xã Đại An (đường trung tâm xã Đại An - Định An) giai đoạn 1	xã Đại An, Định An	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD/CB			Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.100m	2022-2024	3513/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		577			577		
12	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên xã Ngải Xuyên (ấp Xoài Thum, xã Ngải Xuyên - ấp Mốc Anh, xã Lưu Nghiệp Anh) giai đoạn 1	xã Ngải Xuyên, Lưu Nghiệp Anh	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD/CB			Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.100m	2022-2024	3514/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		577			577		
13	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên xã Thanh Sơn (ấp Trà Les, xã Thanh Sơn - ấp Trà Tro, xã Hàm Giang) giai đoạn 1	xã Thanh Sơn, Hàm Giang	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD/CB			Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.100m	2022-2024	3515/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		577			577		

STT	Tên công trình	Đại điểm xây dựng	Đại điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú				
									Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2022	Giám	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn	
										Tổng số	Trong đó: NSTW+NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới																	
I	Tiêu chí huyện																	
14	Cầu Tả Nị, thị trấn Định An	thị trấn Định An	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB	7972453	292	Cầu BTCT dài 80m; mặt cầu 3,5m	2022-2024	2848/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	4.700	4.700	4.400	4.300	2.150	2.150	-	-	-
15	Đường đèo từ hộ ông Lê Văn Mít (đường đèo kênh Ô Rung) đến hộ ông Nguyễn Văn Út	xã Phước Hưng	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB	7971706	292	Đường đèo dài 600,133m, mặt đường 2,5m	2022-2024	2849/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	1.700	1.700	1.600	1.600	900	700	-	-	-
16	Đường Trà Miềm Bờ Bắc (cầu Ba Nương đến ranh xã Ngãi Hưng)	xã Tập Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường đèo dài 550m; mặt đường 2,5m	2022-2024	3516/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.000	1.000	1.000		540		540		
17	Đường Trà Miềm Bờ Bắc (cầu Nguyễn Văn Na đến ranh Phước Hưng)	xã Tập Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3517/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560		
18	Đường GTNT áp Ba Cùm (từ cầu Chùa Ba Cùm đến kênh cấp III), xã Ngọc Biên	xã Ngọc Biên	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3518/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.100	1.100	1.100		540		540		
19	Đường nhựa Đầu Giồng - Ô Rung, xã Phước Hưng (đoạn còn lại)	xã Phước Hưng	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3519/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560		
20	Đường đèo Chơ Dươi từ Quốc lộ 53 đến kênh I (dòng sau), xã Phước Hưng	xã Phước Hưng	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường đèo dài 750m; mặt đường 2,5m	2022-2024	3520/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560		
21	Đường đèo từ Quốc lộ 53 (Bờ nam) đến cầu áp Ô, xã Tập Sơn	xã Tập Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường đèo dài 750m; mặt đường 2,5m	2022-2024	3521/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560		
II	Tiêu chí các xã																	
	Xã Tân Sơn																	
										45.300	45.300	44.533	22.680	22.210	9.380	8.910		
										3.700	3.700	3.466	3.400	1.950	1.450	-	-	-

STT	Tên công trình	Đại diện xây dựng	Đại diện tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư										Ghi chú	
									Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số NSTW+NS DP	Trong đó: NSTW+NS DP	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn	
										Tổng số	TMBĐT									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
22	Đường GTNT ấp Chợ, xã Tân Sơn	xã Tân Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7969326	292	Đường nhựa dài 372,495m, rộng 3,5m; đường đèo dài 293,538m, rộng 2,5m	2022-2024	2852/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	1.400	1.400	1.250	1.200	750	450	-	-			
23	Đường GTNT nội đồng Đồn Chum Kênh N6, xã Tân Sơn	xã Tân Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7969327	292	Đường nhựa dài 873m, rộng 3,5m	2022-2024	2853/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	2.300	2.300	2.216	2.200	1.200	1.000	-	-			
	Xã Ngãi Xuyên									8.750	8.750	8.330	6.030	4.300	2.830	1.100				
24	Đường giao thông nông thôn Cầu Hánh - Giồng Tranh (đoạn còn lại)	xã Ngãi Xuyên	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7969325	292	Đường nhựa dài 600m, mặt đường rộng 3,5m	2022-2024	2854/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	2.250	2.250	2.100	2.100	1.100	1.000	-	-			
25	Đường giao thông nông thôn Trãi Văn Khai - Trãi Thị Sỏi, ấp Xa Xi, xã Ngãi Xuyên	xã Ngãi Xuyên	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7971702	292	Đường nhựa dài 1.365,684m, mặt đường rộng 2,5m	2022-2024	2855/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	2.250	2.250	2.100	2.100	1.100	1.000	-	-			
26	Đường đèo Lê Văn Kiệt - Kim Tân	xã Ngãi Xuyên	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7969538	292	Đường đèo dài 887m, mặt đường 2,5m	2022-2024	2856/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	1.950	1.950	1.830	1.830	1.000	830	-	-			
26	Đường đèo Trần Khanh - Kênh N9- Trãi Mươi	xã Ngãi Xuyên	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường đèo dài 750m, mặt đường 2,5m	2022-2024	3531/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150	1.150	540	540	540	540			
27	Đường nhựa Thạch Tuấn - Quốc lộ 53, xã Ngãi Xuyên	xã Ngãi Xuyên	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3532/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150	1.150	560	560	560	560			
	Xã Kim Sơn									10.350	10.350	10.950	6.250	5.100	2.250	1.100				
28	Đường ra đồng Trà Cú B, Giồng Xoài - Tổng Long (Phía Đông)	xã Kim Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7972452	292	Đường nhựa 219,6m, mặt đường 3,5m; đường đèo 1.507,577m; mặt đường 2,5m	2022-2024	2858/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	4.900	4.900	4.600	3.450	2.400	1.050	-	-			
29	Đường đèo ra đồng Bảy Xảo Dơi A2 (Kim Sẻn - ra đồng)	xã Kim Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB	7971704	292	Đường đèo dài 780,599m, mặt đường 2,5m	2022-2024	2859/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	3.150	3.150	4.050	2.800	1.600	1.200	-	-			

STT	Tên công trình	Đại điểm xây dựng	Đại điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoán)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh	Ghi chú			
									Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2022	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn
										Tổng số	Trong đó: NSTW+NS ĐP						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
29	Đường nhựa áp Thanh Xuyên - Kosla (đoạn cuối), xã Kim Sơn	xã Kim Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3533/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560	
30	Đường đan từ nhà Sơn Ni đến nhà Diệp Rénh (đoạn 3)	xã Kim Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường đan dài 750m; mặt đường 2,5m	2022-2024	3534/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		540		540	
	Xã Hám Giang									9.850	9.850	9.137	7.000	4.710	2.850	560	
31	Đường nhựa từ cầu của ông Lâm Vĩnh Giang đến cầu từ thiện áp Trà Tro B	xã Hám Giang	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB	7969537	292	Đường nhựa dài 850m; mặt đường 3,5m	2022-2024	2862/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	1.850	1.850	1.750	1.700	830	870	-	
32	Đường nhựa từ cầu Cá Tóc (Chợ) - đường đan Nhuệ Từ A	xã Hám Giang	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB	7969536	292	Đường nhựa dài 1.300m; mặt đường 3,5m	2022-2024	2863/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	3.200	3.200	3.400	3.000	1.520	1.480	-	
33	Đường nhựa từ cầu Nhuệ Từ B (Cầu Chè - kênh cấp II Đôn Xuân)	xã Hám Giang	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB	7970988	292	Đường nhựa 1.098m, mặt đường 3,5m	2022-2024	2864/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	3.650	3.650	2.837	2.300	1.800	500	-	
33	Đường nhựa từ Hương lộ 12 - đến cầu kênh Rạch Bần (thay đường đan vào áp Trà Tro C thành đường nhựa)	xã Hám Giang	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường nhựa dài 475m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3539/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560	
	Xã Phước Hưng									2.300	2.300	2.300	-	1.110	-	1.110	
34	Đường đan từ cầu kênh 2, áp Đầu Giồng A đến giáp huyện Châu Thành	xã Phước Hưng	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường đan dài 750m; mặt đường 2,5m	2022-2024	3522/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.150	1.150	1.150		540		540	
35	Đường nhựa Quốc lộ 54 từ áp Bến Chua đến Trà Mềm áp Ô Rung, xã Phước Hưng (đoạn đầu)	xã Phước Hưng	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3526/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		570		570	
	Xã Tập Sơn									1.150	1.150	1.150	-	580	-	580	
36	Đường nhựa QL53 - Cống Tập Sơn (Chợ) đến cầu Tập Sơn	xã Tập Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XDCB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3527/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		580		580	
	Xã An Quảng Hữu									1.150	1.150	1.150	-	540	-	540	

STT	Tên công trình	Đại điểm xây dựng	Đại điểm mở tài khoản của dự án	Chức danh tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian KC HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Chi chú				
									Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSTW+NSDP	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh	Giảm	Tăng	Nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm kế hoạch vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
37	Đường dân Chờm Vong đoạn còn lại, ấp Vam	xã An Quảng Hữu	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường dân dài 750m, mặt đường 2,5m	2022-2024	3528/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150	-	540	-	540	540
	Xã Lưu Nghiệp Anh									2.300	2.300	2.300		1.120		1.120	1.120
38	Đường nhựa cấp kênh Ngọc Biên (ấp Lưu Cư II), xã Lưu Nghiệp Anh	xã Lưu Nghiệp Anh	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường nhựa dài 450m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3529/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		580		580	580
39	Nâng cấp đường dân ấp Long Thuận, xã Lưu Nghiệp Anh	xã Lưu Nghiệp Anh	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường dân dài 750m, mặt đường 2,5m	2022-2024	3530/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		540		540	540
	Xã Thanh Sơn									2.300	2.300	2.300	-	1.120		1.120	1.120
40	Đường nhựa nối tiếp Kosla, xã Thanh Sơn	xã Thanh Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường nhựa dài 500m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3535/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560	560
41	Đường nhựa ấp Giồng Ông Thìn, xã Thanh Sơn	xã Thanh Sơn	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường nhựa dài 500m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3536/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560	560
	Xã Hàm Tân									2.300	2.300	2.300	-	1.120		1.120	1.120
42	Đường nhựa ấp Vam Ray, xã Hàm Tân	xã Hàm Tân	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường nhựa dài 500m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3537/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		580		580	580
43	Đường trục chính nội đồng ấp Vam Ray A (HL 12 - Cao Văn Bình), xã Hàm Tân	xã Hàm Tân	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường dân dài 750m, mặt đường 2,5m	2022-2024	3538/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		540		540	540
	Xã Long Hiệp									1.150	1.150	1.150	-	560		560	560
44	Đường nhựa bờ kênh Long Hiệp - Ba Túc (phía Nam, đoạn 1), ấp Chợ, xã Long Hiệp	xã Long Hiệp	KBNN Trà Cú	Ban QLDA đầu tư các công trình XD CB			Đường nhựa dài 475m, mặt đường 3,5m	2022-2024	3540/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	1.150	1.150	1.150		560		560	560

Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRÀ CÚ (ĐỢT 2)
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW+ NSDP				Ngân sách TW		Ngân sách địa phương
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG SỐ					445,0	445,0	-	445,0	-	445,0		
	Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất (kết dư ngân sách)												
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện đầu tư xây dựng Nhà làm việc Ban Quản lý và Nhà vệ sinh công cộng chợ Tập Sơn	xã Tập Sơn	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	2022-2023		445,0	445,0		445,0		445,0		

/